

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

Bản án số: 135/2024/DS-ST

Ngày: 12 /9/2024

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - TP HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Khuất Thị Phương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Xuân P

- **Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận H - thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa :**

Ông Trần Hoàng Đức - Kiểm sát viên

Ngày 12/ 9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2024/TLST- DS ngày 19/4/2024 về kiện ‘ *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*’.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/QĐXX - DS ngày 07/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST - DS ngày 27/8/2024 giữa

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 442 M, phường 5,quận 3, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Tổng giám đốc Đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Mỹ H - cán bộ xử lý nợ(Văn bản ủy quyền số 887 ngày 18/3/2024). Địa chỉ: Tầng 6, số 10 P, phường P, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- **Bị đơn:** Ông Võ Lê M, sinh năm 1980

và bà Đặng Mai P, sinh năm 1983

HKTT : Số 80B T, phường N, quận H, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A trình bày:** Ngày 13/12/2007 Ngân hàng TMCP A (ACB) và ông Võ Lê M, bà Đặng Mai P có ký hợp đồng tín dụng trả góp số HAN.CN 06131207/TK vay 33157349 số tiền vay là 110 triệu đồng, tiếp đó ngày 06/5/2009,Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông M , bà P theo hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 0101160409/HĐ/TTDQT,số thẻ tín dụng 5465551690001382, hạn mức thẻ là 50 triệu đồng. Quá trình thực hiện các Hợp đồng thẻ tín dụng, ông M bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tạm tính đến 19/3/2024 ông M, bà P còn nợ 310.252.030 đồng trong đó nợ gốc 691.528 đồng và nợ lãi trong hạn,lãi quá hạn của các hợp đồng trên.

Nay ngân hàng yêu cầu ông M, bà P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc trên và số tiền lãi tạm tính đến ngày 12/7/2024 cụ thể như sau:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007 nợ gốc 691.528 đồng, lãi quá hạn 94.132.553 đồng, phạt trễ hạn trả nợ 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.824.081 đồng.

- Khoản nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/HĐ/TTDQT ngày 06/5/2009 số tiền nợ lãi là 206.742.293 đồng.

- **Bị đơn là ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P** : Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M và bà P nhưng Tòa án không nhận được văn bản trả lời của ông M bà P đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông bà cũng không đến Tòa để giải quyết, vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có bất cứ ý kiến nào của ông M, bà P.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bị đơn phải thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể là : Theo hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007 số tiền nợ gốc là 691.528 đồng, lãi quá hạn là 94.148.834 đồng, phạt trễ hạn trả nợ là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 100.840.362 đồng; Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/HĐ/TTDQT ngày 06/5/2009 , số tiền nợ lãi là 205.398.497 đồng (chi tiết theo bản tính lãi từng khoản vay ngân hàng đã cung cấp cho quý Tòa). Ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P còn phải tiếp tục trả lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/HĐ/TTDQT, các văn bản khác của ông M bà P lý với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 13/9/2024 đến ngày hết hạn trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc thụ lý vụ án ,xác định quan hệ pháp luật ,tư cách đương sự và việc tiến hành thu thập chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tòa án tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng DS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Đối với các đương sự vắng mặt đã được tòa án thực hiện tổng đạt theo quy định của pháp luật.

- **Về nội dung vụ án:** Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP và Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

+ Buộc ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) theo hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007 số tiền nợ gốc là 691.528 đồng, lãi quá hạn là 94.148.834 đồng; Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/ HĐ/TTDQT ngày 06/5/2009 , số tiền nợ lãi là 205.398.497 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A về việc buộc ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P phải thanh toán số tiền phạt trễ hạn trả nợ là 6.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007.

+ Ông M, bà P còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đương trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ‘*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*’. Bị đơn ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 80B T, phường N, quận H, Hà Nội nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, TP Hà Nội.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử là đúng với quy định.

[2] Xét yêu cầu thanh toán theo các hợp đồng tín dụng

Ngân hàng TMCP A (ACB) và ông Võ Lê M, bà Đặng Mai P đã ký Hợp đồng tín dụng trả góp số HAN.CN 06131207/TK vay 33157349 ngày 13/12/2007 với số tiền ông M bà P vay Ngân hàng là 110.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng, số tiền vay được giải ngân một lần, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn là 0,77%/tháng (9,24% năm).

Ngày 06/5/2009 Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế tín dụng quốc tế số 0101160409/HĐ/TTDQT với ông M bà P và cấp số thẻ tín dụng 5465551690001382, hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân và cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng cho ông M bà P như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông M bà P đã thanh toán một phần nghĩa vụ của hợp đồng, nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho đến nay ông M và bà P còn nợ số tiền nợ gốc là 691.528 đồng của hợp đồng HAN.CN 06131207/TK và toàn bộ nợ lãi, lãi quá hạn, phạt trễ hạn trả nợ của cả hai hợp đồng trên. Do vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông M bà P phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng, thanh toán các khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Xét thấy việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung hợp đồng phù hợp, không trái với các quy định của pháp luật về giao dịch dân sự nên hợp đồng có giá trị hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia, bên có nghĩa vụ chưa thực hiện xong các nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng thì có nghĩa vụ tiếp tục phải thực hiện xong. Do vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M, bà P phải thực hiện tiếp nghĩa vụ thanh toán từ các hợp đồng đã ký là có căn cứ pháp luật và số tiền nợ gốc ông M, bà P còn phải trả theo hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007 là 691.528 đồng.

Về tiền lãi suất: Theo bản kê tính lãi của Ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2024) như Ngân hàng cung cấp tại Tòa, số tiền lãi yêu cầu bị đơn phải trả cụ thể đối với các Hợp đồng như sau:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007, số tiền lãi quá hạn là 94.148.834 đồng.
- Khoản nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/HĐ/TTDQT ngày 06/5/2009, số tiền nợ lãi là 205.398.497 đồng.

Xét thấy tại mục 4 hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007, quy định lãi suất vay trong hạn là 0,77%/tháng, bằng 9,24%/năm. Khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 09/10/2010 theo Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 09/9/2010, Lãi suất quá hạn bằng 150% bằng 13,86%/năm và không thay đổi.

Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/ HĐ/ TTDQT ngày 06/5/2009, lãi suất theo biểu phí đã nêu tại mục b hợp đồng quy định về mức biểu phí sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 08/7/2010 theo Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 16/8/2010, lãi suất quá hạn là 2,625%/ tháng, sau đó thay đổi và áp dụng theo Biểu phí áp dụng từ tháng 12/2010 với lãi suất là 25,8%/năm (lãi quá hạn bằng 38,70%/năm), từ tháng 7/2017 đến nay lãi suất theo Biểu phí từ áp dụng từ tháng 6/2017 với lãi suất là 29%/năm (quá hạn bằng 43,50%/năm).

Đối chiếu bảng kê chi tiết tính lãi, các thông báo , biểu phí áp dụng mức lãi suất do Ngân hàng cung cấp, thấy rằng việc áp dụng tính lãi của ngân hàng được thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu và cách tính lãi của ngân hàng, buộc bị đơn là ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P phải trả số tiền nợ lãi như trên.

Về tiền phạt trễ hạn: Ngân hàng có yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền phạt trễ hạn trả nợ là 6.000.000 đồng đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng trả góp số HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007. Tại mục 5 Hợp đồng tín dụng trên có quy định số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng / kỳ, bị đơn đã trễ hạn trả nợ 30 kỳ nên ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền phạt như trên.

Xét thấy, mặc dù các bên có thỏa thuận trong hợp đồng nhưng số tiền bị đơn chậm trả Ngân hàng đã tính lãi trong hạn và lãi quá hạn, việc ngân hàng áp dụng tính tiền phạt như trên đối với số tiền trả chậm trả theo kỳ thanh toán là lãi chồng lãi , ngoài ra Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có áp dụng về việc tính lãi phạt chậm trả đối với hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/1/2017 nhưng hợp đồng trên được các bên xác lập từ năm 2007. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả là 6.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P có nghĩa vụ phải thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng TMCP A nên phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP A phải chịu một phần án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận đối trừ với số tiền Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục THA dân sự quận H theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 122, 124, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P.

2. Buộc ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là **300.238.859** đồng trong đó:

- Hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007, nợ gốc 691.528 đồng, lãi quá hạn là 94.148.834 đồng.
- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 0101160409/HĐ/TTDQT ngày 06/5/2009, số tiền nợ lãi là 205.398.497 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của khoản vay trên.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P phải thanh toán tiền phạt chậm trễ hạn thanh toán là 6.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng trả góp HAN.CN 06131207 ngày 13/12/2007.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Lê M và bà Đặng Mai P phải chịu 15.011.942 đồng án phí. Ngân hàng TMCP A phải chịu 300.000 đồng án phí đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng và được hoàn lại 7.450.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0003558 ngày 19/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Khuất Thị Phương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị P Lan

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Phương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huyền Nga Phạm Thị Bích Hợp

Khuất Thị P Lan

